

Bản án số: 252/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 7 -2018

*“V/v Ly hôn giữa
chị T và anh Đ”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hòa Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên

2. Ông Nguyễn Văn Cư

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Mộng Thu là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 17 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 90/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 264/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 6 năm 2018 giữa các Đ sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị T, sinh năm 1969; địa chỉ cư trú: Tổ 17, ấp 1, xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang(có mặt)

2. Bị đơn: Anh Võ Hoàng Đ, sinh năm 1978. địa chỉ cư trú: ấp Phú Thạnh, xã Phú Hưng, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau. Tạm trú: Tổ 17, ấp 1, xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 3 năm 2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Phan Thị T trình bày :

- Về hôn nhân: Chị T và anh Đ sau thời gian tìm hiểu và quyết định sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2009, có chúc lễ cưới nhưng không đăng ký

kết hôn, cuộc sống chung hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên thường cãi vã, đã không còn sống chung gần 01 năm nay, không thể hàn gắn và đoàn tụ lại được, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu cầu được ly hôn với anh Đ.

- Về nuôi con chung: Chị T và anh Đ có 01 đứa con chung tên Võ Mạnh Đăng, sinh ngày 09/12/2010, cháu Đăng đang sống với chị T, anh Đ đồng ý giao cháu Đăng cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng, chị T tự nguyện nuôi con, không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản: Chị T xác định trong thời gian chung sống với anh Đ không tạo lập được tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có

Bị đơn anh Võ Hoàng Đ trình bày:

- Về hôn nhân: Anh Đ thống nhất như lời trình bày của chị T về thời gian và điều kiện kết hôn cũng như mâu thuẫn vợ chồng, anh Đ đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

- Về nuôi con chung: Anh Đ thống nhất như chị T trình bày, đồng ý giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về chia tài sản: Anh Đ xác định trong thời gian chung sống với chị T không tạo lập được tài sản chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định vụ án như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Chị Phan Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Võ Văn Đ, Tạm trú: Tổ 17, ấp 1, xã Vĩnh Xương, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của bị đơn: Anh Võ Hoàng Đ vắng mặt lần thứ nhất, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt(theo đơn ngày 06/6/2018). Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị T và anh Đ sống chung từ năm 1993, không có đăng ký kết hôn, sống hòa thuận, hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau, dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đã không còn sống chung với nhau gần 01 năm nay, chị T yêu cầu ly hôn với anh Đ, anh Đ cũng đồng ý. Xét thấy mặc dù chị T và anh Đ thuận tình ly hôn, nhưng do chị T, anh Đ sống chung không có đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng. Do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận chị T và anh Đ là vợ chồng.

[2.2] Về nuôi con chung: : Chị T và anh Đ có 01 đứa con chung tên Võ Mạnh Đăng, sinh ngày 09/12/2010, cháu Đăng đang sống với chị T, anh Đ đồng ý giao cháu Đăng cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng, chị T tự nguyện nuôi con, không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con, nguyện vọng của cháu Đăng là được tiếp tục sống với chị T. Do đó Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận nuôi con chung giữa chị T và anh Đ.

Anh Đ có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc con không ai được cản trở anh Đ thực hiện quyền này.

[2.3] Về chia tài sản: Chị T và anh Đ xác định không có tài sản chung, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Chị T và anh Đ xác định không có nợ chung do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị T phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004506 ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang,

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 14; Điều 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố :

1. *Về hôn nhân:* Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phan Thị T và anh Võ Hoàng Đ.

2. *Về nuôi con chung:* Công nhận sự thỏa thuận nuôi con chung giữa chị Phan Thị T và anh Võ Hoàng Đ, chị Phan Thị T tiếp tục nuôi cháu Võ Mạnh Đăng, sinh ngày 09/12/2010, chị Phan Thị T tự nguyện nuôi con, không yêu cầu anh Võ Hoàng Đ cấp dưỡng nuôi con.

Chị Phan Thị T tạo mọi điều kiện thuận lợi cho anh Võ Hoàng Đ đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở anh Võ Hoàng Đ thực hiện quyền này.

3. *Về tài sản chung:* không có.

4. *Về nợ chung:* không có

5. *Về án phí:* chị Phan Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: 0004506 ngày 14 tháng 3 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Chị Phan Thị T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng anh Võ Hoàng Đ vắng mặt tại phiên tòa cũng có quyền kháng cáo trong thời hạn trên kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HĐXX

HẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX. Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- Các Đ sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, V.phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

PHẠM HÒA BÌNH

